

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2024/CV-PICOMAT
(V/v: Công bố thông tin
Báo cáo tài chính Quý 4/2023)

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nhựa Picomat thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4 năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

- Mã chứng khoán: PCH
- Địa chỉ: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.6329.0555
Email: info@picomat.vn
- Website: <https://picomat.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 4 năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/01/2024 tại đường dẫn:

BCTC riêng Picomat Quý 4 năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-rieng-picomat-quy-iv-nam-2023>

BCTC hợp nhất Picomat Quý 4 năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-hop-nhat-picomat-quy-iv-nam-2023>

Giải trình LNST BCTC hợp nhất Quý 4 năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/giai-trinh-lnst-thu-nhap-doanh-nghiep-tai-bao-cao-kqhkd-cua-bctc-hop-nhat-quy-iv-nam-2023>



3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất); Không có

- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

-Báo cáo tài chính riêng quý 4/2023;

-Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2023;

-Giải trình LNST BCTC riêng và hợp nhất Quý/2023.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03 - 04
3- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	05 - 06
4- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	07 - 08
5- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 36



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình Báo cáo tài chính Hợp nhất cho kỳ Quý 4 năm 2023

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 09 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong kỳ Quý 4 năm 2023 Công ty kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, các sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên
Ông	Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT độc lập (Bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 20/06/2023)
Ông	Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT độc lập (Kết thúc nhiệm kỳ ngày 20/06/2023)
Ông	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên

Ban kiểm soát:

Bà	Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban
Bà	Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên
Bà	Đỗ Thị Hường	Thành viên

Tổ kiểm toán nội bộ

Ông	Nguyễn Trung Dũng	Tổ trưởng
Bà	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
----	------------------	---------------

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại Quý 4 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024



Đào Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97,796,275,971	130,376,620,880
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,916,611,263	36,690,584,484
1. Tiền	111		10,016,611,263	14,690,584,484
2. Các khoản tương đương tiền	112		13,900,000,000	22,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22,016,205,800	20,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16,205,800	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	22,000,000,000	20,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,129,373,941	2,688,581,157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	231,216,614	291,997,702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1,131,063,368	1,985,491,502
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1,767,093,959	446,838,355
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(35,746,402)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	47,735,245,384	68,328,692,635
1. Hàng tồn kho	141		47,735,245,384	68,328,692,635
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		998,839,583	2,168,762,604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.a	293,874,315	976,817,321
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		704,938,376	1,171,945,283
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	26,892	20,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172,526,257,727	126,857,950,666
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	24,000,000,000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.7	-	24,000,000,000
II. Tài sản cố định	220		74,187,617,588	78,107,518,959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	24,462,812,962	28,382,714,333
- Nguyên giá	222		48,482,270,028	49,108,674,028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24,019,457,066)	(20,725,959,695)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	49,724,804,626	49,724,804,626
- Nguyên giá	228		49,724,804,626	49,724,804,626
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	76,492,811,874	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		76,492,811,874	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		21,845,828,265	24,750,431,707
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.b	8,854,611,784	9,294,024,433
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		80,905,697	394,378,026
3. Lợi thế thương mại	269	V.11	12,910,310,784	15,062,029,248
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		270,322,533,698	257,234,571,546

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20,515,472,348	19,359,855,875
I. Nợ ngắn hạn	310		20,315,472,348	19,159,855,875
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8,015,041,798	2,070,396,163
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27,776,583	25,579,396
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	2,452,307,539	1,618,293,832
4. Phải trả người lao động	314		921,993,530	958,585,739
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		185,319,394	146,218,622
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	14,532,600	83,361,200
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	8,698,500,904	14,257,420,923
II. Nợ dài hạn	330		200,000,000	200,000,000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	200,000,000	200,000,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249,807,061,350	237,874,715,671
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	249,807,061,350	237,874,715,671
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		219,999,900,000	200,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219,999,900,000	200,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,207,827,061	2,254,827,061
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22,970,509,105	31,151,218,344
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		11,151,318,344	17,294,392,294
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		11,819,190,761	13,856,826,050
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4,628,825,184	4,468,670,266
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		270,322,533,698	257,234,571,546

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Thị Kim Oanh

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45,738,372,579	52,118,442,926	124,650,435,594	151,962,809,609
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45,738,372,579	52,118,442,926	124,650,435,594	151,962,809,609
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	35,708,689,991	43,568,771,831	103,422,903,492	121,844,864,939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,029,682,588	8,549,671,095	21,227,532,102	30,117,944,670
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	949,952,613	1,278,183,084	3,962,118,884	3,140,159,815
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	158,941,911	515,432,865	1,141,960,294	2,152,017,894
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		226,501,857	586,977,753	1,080,590,435	2,122,663,174
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3,492,811,874	-	3,492,811,874	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	1,487,094,784	1,524,532,621	4,984,759,125	5,276,576,800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	2,261,497,793	2,527,283,340	7,903,258,160	7,711,160,350
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,564,912,587	5,260,605,353	14,652,485,281	18,118,349,441
11. Thu nhập khác	31	VI.6	143,372,843	20,096	375,212,714	2,222,043
12. Chi phí khác	32	VI.7	811,258	135,243	11,153,092	16,600,060
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		142,561,585	(115,147)	364,059,622	(14,378,017)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,707,474,172	5,260,490,206	15,016,544,903	18,103,971,424
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1,477,635,574	1,060,698,510	2,423,726,895	4,028,440,938
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	74,185,733	90,179,880	313,472,329	(107,753,908)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,155,652,865	4,109,611,816	12,279,345,679	14,183,284,394
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		8,892,163,850	3,925,485,493	11,819,190,761	13,856,826,050
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		263,489,015	184,126,323	460,154,918	326,458,344
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	404	205	569	712

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đào Thị Kim Oanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15,016,544,903	18,103,971,424
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-9	2,608,873,935	6,098,884,429
- Các khoản dự phòng	03		(35,746,402)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các	04		(3,356,400)	(43,296,102)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,917,470,608)	(2,819,893,074)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1,121,284,341	2,122,663,174
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14,790,129,769	23,462,329,851
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12,438,730,588)	3,359,166,453
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20,593,447,251	10,055,095,138
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		19,312,091,000	(527,778,055)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,122,355,655	(844,349,842)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(16,205,800)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,081,300,345)	(2,121,987,683)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,198,440,939)	(4,011,629,706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41,083,346,003	29,370,846,156
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(35,000,000)	(914,924,091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		230,000,000	1,357,242,274
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22,000,000,000)	(24,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44,500,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(73,000,000,000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,353,600,795	2,525,129,003
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(47,951,399,205)	(21,032,552,814)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	29,122,827,061
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32		(47,000,000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		86,266,417,893	164,577,851,877
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(91,825,337,912)	(183,838,556,088)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(300,000,000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(5,905,920,019)	9,862,122,850
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ kế toán</i>	50		(12,773,973,221)	18,200,416,192
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ kế toán	60		36,690,584,484	18,490,168,292
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ kế toán	70	V.1	23,916,611,263	36,690,584,484

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Như Quỳnh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Thị Kim Oanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 09 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ Quý 4 năm 2023 Công ty kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics.

3. Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp**6.1 Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P. Kỳ Sơn, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

6.2 Tổng số các Công ty con.

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Thôn Cầu Liêu, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh tấm nhựa, ván nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.	95%

6.3 Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày	28.27%	28.27%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat và các Công ty con ("Công ty") cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Nhựa Picomat theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần Nhựa Picomat.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của "Công ty" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

7.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>10 - 25 năm</i>
<i>Máy móc thiết bị,</i>	<i>3 - 15 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>4 - 30 năm</i>
<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>5- 10 năm</i>

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; công cụ dụng cụ; tiền thuê đất trả trước; Lợi thế thương mại ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay ... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp ...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó,
2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

23. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận (tiếp theo)

Trong kỳ, doanh thu của Công ty chủ yếu liên quan đến các mặt hàng như tấm nhựa, ván nhựa và các sản phẩm khác từ nhựa. Bên cạnh đó, hơn 90% doanh thu của Công ty tập trung ở trụ sở chính tại Hà Nội. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	10,016,611,263	14,690,584,484
Tiền mặt	1,412,810,114	525,044,058
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8,603,801,149	14,165,540,426
Các khoản tương đương tiền	13,900,000,000	22,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	13,900,000,000	22,000,000,000
Cộng	23,916,611,263	36,690,584,484

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	16,205,800	-	-	-
Cộng	16,205,800	-	-	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	22,000,000,000	-	20,500,000,000	-
Cộng	22,000,000,000	-	20,500,000,000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và hưởng lãi suất 8,30%/ năm tại Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	231,216,614	-	291,997,702	(35,746,402)
Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Đồng Hàn	-	-	39,818,515	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ ván gỗ công nghiệp Thuận Phát	167,952,315	-	165,658,476	-
Khách hàng khác	63,264,299	-	86,520,711	(35,746,402)
Cộng	231,216,614	-	291,997,702	(35,746,402)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1,131,063,368	-	1,985,491,502	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Đức	1,003,469,368	-	1,860,095,502	-
Các đối tượng khác	127,594,000	-	125,396,000	-
Cộng	1,131,063,368	-	1,985,491,502	-

5. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1,767,093,959	-	446,838,355	-
Lãi dự thu	1,765,642,194	-	426,838,355	-
Phải thu khác	1,451,765	-	20,000,000	-
Cộng	1,767,093,959	-	446,838,355	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	6,283,262,888	-	1,230,027,508	-
Nguyên liệu, vật liệu	28,673,184,680	-	30,999,306,960	-
Công cụ, dụng cụ	11,320,186	-	267,626,718	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	232,479,540	-
Thành phẩm	9,248,880,546	-	13,346,738,999	-
Hàng hoá	3,518,597,084	-	9,615,082,427	-
Hàng gửi bán	-	-	12,637,430,483	-
Cộng	47,735,245,384	-	68,328,692,635	-

7. Phải thu về cho vay

Dài hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand (*)	-	-	24,000,000,000	-
Cộng	-	-	24,000,000,000	-

(*) Bao gồm các khoản cho vay kỳ hạn 24 tháng và hưởng lãi suất 7.7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư tại 01/01/2023		5,660,225,077	35,436,887,532	38,248,911,532	1,109,669,034	4,089,868,385	84,545,561,560
Mua trong kỳ		-	-	-	-	35,000,000	35,000,000
Thanh lý, nhượng bán		-	-	(661,404,000)	-	-	(661,404,000)
<u>Số dư tại 31/12/2023</u>		<u>5,660,225,077</u>	<u>35,436,887,532</u>	<u>37,587,507,532</u>	<u>1,109,669,034</u>	<u>4,124,868,385</u>	<u>83,919,157,560</u>
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư tại 01/01/2023		412,344,342	13,658,294,746	1,524,378,592	378,453,667	1,540,191,533	17,513,662,880
Khấu hao trong kỳ		188,674,164	2,929,391,316	289,196,233	147,294,072	525,181,905	4,079,737,690
Thanh lý, nhượng bán		-	-	(653,615,264)	-	-	(653,615,264)
<u>Số dư tại 31/12/2023</u>		<u>601,018,506</u>	<u>16,587,686,162</u>	<u>1,159,959,561</u>	<u>525,747,739</u>	<u>2,065,373,438</u>	<u>20,939,785,306</u>
Giá trị còn lại							
Số dư tại 01/01/2023		5,247,880,735	21,778,592,786	36,724,532,940	731,215,367	2,549,676,852	67,031,898,680
Số dư tại 31/12/2023		5,059,206,571	18,849,201,470	36,427,547,971	583,921,295	2,059,494,947	62,979,372,254

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.363.124.293 đồng

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.424.558.569 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại 01/01/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Số dư tại 31/12/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại 01/01/2023	-	-
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-
Số dư tại 31/12/2023	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư tại 01/01/2023	49,724,804,626	49,724,804,626
Số dư tại 31/12/2023	49,724,804,626	49,724,804,626

(*) Quyền sử dụng đất tại 31/12/2023 bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 8A + 8B, lô G5 thuộc khu A, khu nhà ở Anh Dũng IV, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
- + Quyền sử dụng đất là lô đất tại Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	73,000,000,000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Peland	73,000,000,000	-	(*)	-	-	(*)
Cộng	73,000,000,000	-	-	-	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Peland	73,000,000,000	28.27%	28.27%	-	0%	0%

(*) Trong kỳ, Công ty đã mua 5.200.000 Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Peland từ các cá nhân, tổng mệnh giá mua 52.000.000.000 đồng với giá đầu tư của số cổ phần này là 72.800.000.000 đồng, phí đầu tư 200.000.000 đồng.

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2023 và tờ trình số: 09/2023/TTr-HĐQT ngày 07/06/2023 - Thông qua phương án mua lại cổ phần Peland từ nguồn vốn tự có của Công ty CP Nhựa Picomat. Số lượng cổ phần sau khi mua: 3.600.000 cổ phần, tổng giá trị mua lại: 50.400.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Picomat là: 19.57%.

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2023 và tờ trình số: 11/2023/TTr-HĐQT ngày 27/10/2023 - Thông qua phương án mua lại cổ phần Peland từ nguồn vốn tự có (lần 2) của Công ty CP Nhựa Picomat. Số lượng cổ phần sau khi mua: 1.600.000 cổ phần, tổng giá trị mua lại: 22.400.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu của Picomat là: 28.27%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Lợi thế thương mại

	Năm 2023	Năm 2022
Tại ngày đầu kỳ	15,062,029,248	17,213,747,712
Phân bổ trong kỳ	(2,151,718,464)	(2,151,718,464)
Tại ngày cuối kỳ	12,910,310,784	15,062,029,248

12. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn	293,874,315	976,817,321
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8,563,410	424,934,022
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	285,310,905	551,883,299
b. Dài hạn	8,854,611,784	9,294,024,433
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	764,750,323	810,724,667
Quyền sử dụng mặt bằng (*)	7,994,336,514	8,225,498,058
Chi phí khác	95,524,947	257,801,708
Cộng	9,148,486,099	10,270,841,754

(*) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Khu dự án Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

13. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	8,015,041,798	8,015,041,798	2,070,396,163	2,070,396,163
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	807,840,000	807,840,000	-	-
Shenyang STL Chemical Products Co.,Ltd	850,444,400	850,444,400	857,515,425	857,515,425
Zibo Huaxing Additives Co., Ltd	1,193,526,950	1,193,526,950	1,141,024,875	1,141,024,875
AGC Vinythai Pubic company Limited	4,994,286,000	4,994,286,000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	168,944,448	168,944,448	71,855,863	71,855,863
Cộng	8,015,041,798	8,015,041,798	2,070,396,163	2,070,396,163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp tăng trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2023
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	689,852,894	3,200,761,877	3,592,034,126	298,580,645
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2,763,407,273	2,763,407,273	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	24,887,488	24,887,488	-
Thuế TNDN	928,440,938	2,423,726,895	753,663,548	2,153,726,894
Lệ phí môn bài	-	11,000,000	11,000,000	-
Cộng	1,618,293,832	8,423,783,533	7,144,992,435	2,452,307,539
b. Phải thu				
Thuế GTGT	20,000,000	20,000,000	-	-
Thuế TNCN	-	96,874,338	96,901,230	26,892
Cộng	20,000,000	116,874,338	96,901,230	26,892

15. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn	14,532,600	83,361,200
Kinh phí công đoàn	14,532,600	83,361,200
b. Dài hạn	200,000,000	200,000,000
Nhận ký quỹ Công ty cổ phần đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	200,000,000	200,000,000
Cộng	214,532,600	283,361,200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023		Trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn					
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Vạn Phúc Hà Nội (i)	8,698,500,904	8,698,500,904	86,266,417,893	91,825,337,912	14,257,420,923
Cộng	8,698,500,904	8,698,500,904	86,266,417,893	91,825,337,912	14,257,420,923

(i) Thuyết minh chi tiết các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vạn Phúc, Hà Nội

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại ngày 31/12/2023	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/569567/HD TD ngày 09/08/2023	Dưới 12 tháng	Theo từng KUNN	30,000,000,000	1,844,140,000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Máy sản xuất tấm nhựa, Máy dán cạnh model AKRON 1440-A, Máy đùn nhựa model SJSZ80/156, Máy đùn nhựa 120619, Hệ thống sản xuất tấm nhựa 030719
Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1/2023/3838347/HD TD ngày 22/11/2023	Dưới 12 tháng	Theo từng KUNN	30,000,000,000	6,854,360,904	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Quyền sử dụng đất tại khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	173,132,000,000	-	19,891,993,939	4,142,211,922	197,166,205,861
Phát hành thêm cổ phiếu	26,868,000,000	2,254,827,061	-	-	29,122,827,061
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11,259,224,405	326,458,344	11,585,682,749
Số dư tại ngày 31/12/2022	200,000,000,000	2,254,827,061	31,151,218,344	4,468,670,266	237,874,715,671
Số dư tại ngày 01/01/2023	200,000,000,000	2,254,827,061	31,151,218,344	4,468,670,266	237,874,715,671
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	19,999,900,000	(47,000,000)	(19,999,900,000)	-	(47,000,000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11,819,190,761	460,154,918	12,279,345,679
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(300,000,000)	(300,000,000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	219,999,900,000	2,207,827,061	22,970,509,105	4,628,825,184	249,807,061,350

(*) Trong năm, Công ty con của Công ty là Công ty vật liệu Hải Đăng thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2023.

(**) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2023;

- Căn cứ Tờ trình số: 08/2023/TTr-HĐQT ngày 23/05/2023 - Về việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022;

- Căn cứ Quyết định của HĐQT số 10/2023/QĐ-HĐQT ngày 24/08/2023 - Về việc phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn thành việc phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Phần vốn điều lệ tăng thêm: 19.999.900.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Đỗ Thanh Hải	21.50%	47,300,000,000	43,000,000,000
Cổ đông khác	78.50%	172,699,900,000	157,000,000,000
Cộng	100.00%	219,999,900,000	200,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2023	01/01/2023
Vốn góp của chủ sở hữu	200,000,000,000	173,132,000,000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	200,000,000,000	173,132,000,000
<i>Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu</i>	19,999,900,000	26,868,000,000
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	219,999,900,000	200,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19,999,900,000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21,999,990	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21,999,990	20,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21,999,990	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21,999,990	20,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21,999,990	20,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10,000	10,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	123,798,977,231	151,061,366,964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	851,458,363	901,442,645
Cộng	124,650,435,594	151,962,809,609

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	103,298,378,544	121,720,339,991
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	124,524,948	124,524,948
Cộng	103,422,903,492	121,844,864,939

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,692,404,634	2,827,890,646
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62,621,672	268,241,297
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	5,402,400	44,027,872
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	201,960,178	-
Cộng	3,962,118,884	3,140,159,815

4. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền vay	1,080,590,435	2,122,663,174
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45,542,390	29,354,720
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2,046,000	-
Lỗ hoạt động đầu tư chứng khoán	13,781,469	-
Cộng	1,141,960,294	2,152,017,894

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2,377,158,621	2,672,298,092
Chi phí vật liệu, bao bì	119,541,251	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	137,554,931	275,298,012
Chi phí khấu hao TSCĐ	692,211,313	712,029,373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,658,293,009	1,616,951,323
Cộng	4,984,759,125	5,276,576,800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (Tiếp theo)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	3,281,317,535	3,165,419,996
Chi phí vật liệu, bao bì	5,570,000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	530,980,685	462,943,773
Chi phí khấu hao TSCĐ	354,168,549	306,839,829
Thuế, phí, lệ phí	54,780,224	86,859,687
Chi phí dự phòng	16,952,296	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,262,423,736	1,067,965,608
Chi phí bằng tiền khác	245,346,740	469,412,993
Phân bổ lợi thế thương mại	2,151,718,464	2,151,718,464
Cộng	7,903,258,160	7,711,160,350

6. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Thanh lý CCDC	143,343,600	-
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ xe ô tô tải	230,000,000	-
Các khoản khác	1,869,114	2,222,043
Cộng	375,212,714	2,222,043

7. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Giá trị còn lại của Ô tô tải khi thanh lý tài sản	7,788,736	-
Các khoản khác	3,364,356	16,600,060
Cộng	11,153,092	16,600,060

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67,538,406,366	98,481,074,670
Chi phí nhân công	5,658,476,158	7,873,701,422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,049,234,572	3,936,788,886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,920,716,745	6,983,437,827
Chi phí khác bằng tiền	1,110,748,127	2,112,618,259
Phân bổ lợi thế thương mại	2,151,718,464	2,151,718,464
Cộng	80,429,300,432	121,539,339,528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1,910,339,336	2,424,777,391
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	513,387,559	1,603,663,547
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,423,726,895	4,028,235,441

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023	Năm 2022
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	313,472,329	(107,753,908)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	313,472,329	(107,753,908)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,819,190,761	13,856,826,050
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11,819,190,761	13,856,826,050
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20,761,640	19,455,279
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	569	712

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể

12.3. Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

12.4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

12.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính				
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22,016,205,800	-	22,016,205,800	20,500,000,000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	23,916,611,263	-	23,916,611,263	36,690,584,484
- Phải thu khách hàng	231,216,614	-	231,216,614	256,251,300
- Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	24,000,000,000
- Phải thu khác	1,767,093,959	-	1,767,093,959	446,838,355
TỔNG CỘNG	47,931,127,636	-	47,931,127,636	81,893,674,139
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	8,698,500,904	-	8,698,500,904	14,257,420,923
- Phải trả người bán	8,015,041,798	-	8,015,041,798	2,070,396,163
- Chi phí phải trả	185,319,394	-	185,319,394	146,218,622
- Phải trả dài hạn khác	200,000,000	-	200,000,000	200,000,000
TỔNG CỘNG	17,098,862,096	-	17,098,862,096	16,674,035,708

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2023	Năm 2022
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	86,266,417,893	164,577,851,877

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2023	Năm 2022
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	91,825,337,912	183,838,556,088

VIII. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, Công ty có số dư và/hoặc giao dịch với các bên liên quan sau đây:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Đỗ Mạnh Tú	Cố đồng công ty, người có liên quan của người nội bộ (ông Đỗ Thanh Hải và ông Đỗ Hải Đăng)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Cùng Chủ tịch HĐQT
<i>(Từ ngày 26/04/2023, Ông Đỗ Thanh Hải đã kết thúc nhiệm kỳ Chủ tịch HĐQT kiêm TGD tại PCLand và PCLand không còn là bên quan kể từ ngày 26/04/2023)</i>	
Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất Nethome	Người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Kế toán trưởng công ty

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	31/12/2023	01/01/2023
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	73,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	73,000,000,000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	24,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	-	24,000,000,000
Phải trả dài hạn	200,000,000	200,000,000
Nhận ký quỹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	200,000,000	200,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2023	Năm 2022
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	73,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	73,000,000,000	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,267,698,373	6,648,900,040
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	818,400,000	818,400,000
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	6,449,298,373	5,830,500,040
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,449,298,373	5,830,500,040
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	818,400,000	1,023,000,000
Công ty TNHH Kiến trúc Nội thất Nethome	6,449,298,373	5,830,500,040
Trả gốc vay	24,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	24,000,000,000	-
Lãi cho vay	635,197,260	1,153,523,288
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	635,197,260	1,153,523,288
Mua hàng hóa dịch vụ	205,192,000	93,999,999
Ông Đỗ Mạnh Tú	94,000,000	93,999,999
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	111,192,000	-
Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	205,192,000	93,999,999
Ông Đỗ Mạnh Tú	94,000,000	93,999,999
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	111,192,000	-
Phải thu, chi hệ trong kỳ	9,877,488	8,756,130
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	9,877,488	8,756,130

2. Thu nhập thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

+ Thu nhập thành viên Hội đồng quản trị:

Lương và thưởng	Chức vụ	-	-
Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đỗ Hải Đăng	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổ trưởng tổ Kiểm toán nội bộ	-	-
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Thu nhập của tổ Kiểm toán nội bộ:		-	-
Lương và thưởng		101,831,000	29,535,538
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên tổ Kiểm toán nội bộ	101,831,000	29,535,538
+ Thu nhập của Thành viên Ban kiểm soát:			
Lương và thưởng		494,041,332	322,052,139
Bà Đỗ Thị Hương	Thành viên ban Kiểm soát	160,983,444	56,109,000
Bà Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên ban Kiểm soát	164,920,444	135,871,810
Bà Nguyễn Thị Thùy	Trưởng ban Kiểm soát	168,137,444	130,071,329
+ Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:			
Lương và thưởng		346,424,778	217,226,231
Bà Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc	346,424,778	217,226,231
+ Thu nhập của Kế toán trưởng			
Lương và thưởng		299,852,593	201,058,213
Bà Trần Thị Vui	Nguyên Kế toán trưởng	-	120,135,615
Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	299,852,593	80,922,598

3. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Thị Kim Oanh